

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Số: 628/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/12/2022

V/v: *Xin ly hôn.*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Anh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Minh;

Ông Nguyễn Tiến Chuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Trần Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 457/2022/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 289/2022/QĐST – HNGĐ ngày 01/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 308/2022/QĐST-HPT ngày 16/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy P, sinh 1970.

Địa chỉ: thôn D, thị trấn , huyện T, tỉnh B.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh B, sinh 1971.

Địa chỉ: Số X, ngõ Y, phường T, quận N, thành phố H.

Ông P có mặt, bà B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn – ông Nguyễn Duy P trình bày: Tôi và bà Nguyễn Thị Thanh B kết hôn năm 1997 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã T, huyện T, thành phố H (nay là phường T, quận N, thành phố H). Trong quá trình chung sống, chúng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xô xát, cãi vã. Chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, mỗi người sống một nơi. Tôi không còn

biện pháp nào để cải thiện quan hệ vợ chồng. Nay tôi xác định không còn tình cảm với chị B. Đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn với chị B.

Con chung: Chúng tôi có hai con chung là cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 02/01/1998 và cháu Nguyễn Nhật X, sinh ngày 02/02/2003. Các cháu đều đã trưởng thành, ở với ai là quyền của các cháu.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/10/2022, bà Nguyễn Thị Thanh B trình bày: Tôi và ông Nguyễn Duy P kết hôn năm 1997 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã T, huyện T, thành phố H (nay là phường T, quận N, thành phố H). Do tôi là người công giáo nên tôi sẽ không kí vào đơn ly hôn. Nay ông P xin ly hôn, tôi toại nguyện ý của ông P.

Con chung: Chúng tôi có hai con chung là cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 02/01/1998 và cháu Nguyễn Nhật X, sinh ngày 02/02/2003. Các cháu đều đã trưởng thành, ở với ai là quyền của các cháu.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có yêu cầu tôi sẽ yêu cầu sau.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – ông Nguyễn Duy P trình bày: Tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử cho tôi được ly hôn bà Nguyễn Thị Thanh B. Con chung: Chúng tôi có hai con chung là cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 02/01/1998 và cháu Nguyễn Nhật X, sinh ngày 02/02/2003. Các cháu đều đã trưởng thành, ở với ai là quyền của các cháu. Tài sản chung, vay nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Bị đơn – bà Nguyễn Thị Thanh B vắng mặt lần thứ hai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu ý kiến: Việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX tại phiên tòa sơ thẩm cũng như việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông P. Về con chung: đã trưởng thành. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về thủ tục tố tụng:

Đơn yêu cầu và các tài liệu chứng cứ kèm theo của ông Nguyễn Duy P đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm thụ lý giải quyết yêu cầu xin ly hôn của ông P với bà Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số X, ngõ Y, phường T, quận N, thành phố H là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Thanh B - bị đơn vắng mặt lần thứ 2, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử bình thường vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[II] Xét yêu cầu “*Xin ly hôn*” của ông P với bà B, Hội đồng xét xử thấy: Ông Nguyễn Duy P và bà Nguyễn Thị Thanh B kết hôn năm 1997 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã T, huyện T, thành phố H. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Theo ông P trình bày: Trong quá trình chung sống, ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xô xát, cãi vã. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2014, mỗi người ở một nơi và không còn biện pháp nào để cải thiện quan hệ vợ chồng.

Theo lời khai của bà B tại bản tự khai, bà B đồng ý ly hôn với ông P tuy nhiên do theo đạo nên bà không kí đơn ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Thực tế, cuộc sống hôn nhân của ông P, bà B không còn tồn tại, vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Như vậy, xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông P xin ly hôn là hoàn toàn phù hợp với thực tế, không trái quy định của pháp luật Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông P với bà B. Cho ông P được ly hôn bà B

- Con chung: cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 02/01/1998 và cháu Nguyễn Nhật X, sinh ngày 02/02/2003. Các cháu đều đã trưởng thành, ở với ai là quyền của các cháu nên Tòa không xét.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[III] Về án phí: Ông P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều a, khoản 1 Điều 35; điều a, khoản 1 Điều 39; khoản 4, Điều 147; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Duy P với bà Nguyễn Thị Thanh B. Cho ông P được ly hôn bà B.

2/ **Về con chung:** Ông bà có hai con chung là cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 02/01/1998 và cháu Nguyễn Nhật X, sinh ngày 02/02/2003. Các cháu đều đã trưởng thành, ở với ai là quyền của các cháu nên Tòa không xét.

3/ **Tài sản chung, vay nợ chung:** Ông P không yêu cầu Tòa giải quyết.

4/ **Về án phí:** Ông Nguyễn Duy P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông P đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0034693 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
- Các đương sự;
- UBND phường T, quận N, thành phố H (số 02/1997);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thuý Anh